

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC B-FARM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC B-FARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: B-FARM., JSC

Tên công ty viết tắt: B-FARM BIOTECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 0108755849

3. Ngày thành lập: 27/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

thôn Phú Vinh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: bfarmmushtech@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: trồng nấm các loại	0118(Chính)
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
4.	Trồng cây lâu năm khác	0129
5.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
6.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
7.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
8.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
9.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
10.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
11.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
12.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
13.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
14.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát xây dựng; Tư vấn quản lý dự án; Thiết kế,thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Lập,thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Dịch vụ kiểm định, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Dịch vụ quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng, cây xanh, dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng	7110
15.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214

16.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
18.	Hoạt động thú y	7500
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản	4799
23.	Xây dựng công trình thủy	4291
24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Quảng cáo Chi tiết: Thi công biển quảng cáo, cụm pano khổ lớn, biển các phòng ban, biển chức danh trên mọi chất liệu; Cắt chữ, logo, làm đèn neonsign, bảng điện tử bằng chất liệu: mica, đồng, inox, nhôm	7310
34.	In ấn	1811
35.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
36.	Khai thác gỗ	0220
37.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
38.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
39.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
40.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
41.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
42.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
43.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
44.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
45.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Bán buôn đồ uống	4633
49.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
50.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
51.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
52.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
59.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
60.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu	7730
64.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
65.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
66.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
67.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
68.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
69.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
70.	Đào tạo trung cấp	8532

71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
76.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN AHH TÂY BẮC	Đường Lê Duẩn, Tổ 5, Phường Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	35,000	5500567639	
			Tổng số	70.000	700.000.000	35,000		
2	HOÀNG VĂN LY	thôn Phú Vinh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	45,000	001089008305	
			Tổng số	90.000	900.000.000	45,000		
3	HOÀNG VĂN AN	thôn Phú Vinh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	001083027149	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VĂN LY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 21/06/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001089008305

Ngày cấp: 05/11/2015

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *thôn Phú Vinh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *thôn Phú Vinh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội